

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 25 tháng 09, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VTP	24/09/2026	52.6	2.588.800	686.483	3.77
2	PET	24/09/2026	45	1.928.000	517.320	3.73
3	ELC	24/09/2026	13.7	1.024.800	290.667	3.53
4	TVS	24/09/2026	14.9	552.600	183.930	3
5	VGI	24/09/2026	83.5	822.400	293.543	2.8
6	MSR	24/09/2026	55.5	5.171.700	1.878.527	2.75
7	MSB	24/09/2026	14.25	17.566.400	6.385.550	2.75
8	CTR	24/09/2026	74.1	541.100	228.503	2.37
9	OIL	24/09/2026	13.4	5.185.000	2.329.363	2.23
10	GVR	24/09/2026	32.8	5.429.700	2.515.350	2.16
11	MSN	24/09/2026	70.8	9.374.300	4.389.350	2.14
12	VHM	24/09/2026	65.4	18.260.100	8.754.177	02.09
13	PVP	24/09/2026	19.2	1.876.100	917.453	02.04
14	DRI	24/09/2026	14.8	1.513.400	779.970	1.94
15	NVB	24/09/2026	13.6	1.372.400	709.423	1.93
16	TPB	24/09/2026	14.7	13.346.400	7.430.787	1.8
17	VGC	24/09/2026	42.4	633.900	354.030	1.79
18	HAH	24/09/2026	49.35	1.343.100	781.380	1.72
19	PNJ	24/09/2026	33.3	8.176.500	4.937.310	1.66
20	DHC	24/09/2026	38.8	690.700	422.353	1.64
21	TCX	24/09/2026	30	3.451.700	2.106.720	1.64
22	FRT	24/09/2026	142	837.500	513.640	1.63
23	DCL	24/09/2026	45	2.045.700	1.262.980	1.62
24	VOS	24/09/2026	12	937.400	599.837	1.56
25	FCN	24/09/2026	10.75	808.000	523.767	1.54
26	EVF	24/09/2026	11.65	2.114.400	1.386.500	1.52
27	VPX	24/09/2026	25.2	1.288.300	862.427	1.49
28	PLX	24/09/2026	35	6.781.000	4.856.257	1.4
29	PVT	24/09/2026	22.3	8.086.600	6.040.384	1.34



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	24/09/2026	7.53	2.829.350	59.28	7.16	5.2
2	AAS	24/09/2026	9	1.279.080	61.56	8.72	3.25
3	ACB	24/09/2026	21.4	8.547.730	39.17	21.28	0.56
4	BVH	24/09/2026	69.2	935.390	58.66	67.92	1.89
5	DCL	24/09/2026	45	2.287.270	67.94	43.66	03.06
6	FRT	24/09/2026	142	578.390	59.19	136.95	3.68
7	GMD	24/09/2026	76.3	750.240	47	72.07	5.87
8	HDB	24/09/2026	27.65	12.619.810	56.31	26.6	3.94
9	LPB	24/09/2026	46.4	2.118.180	40.09	45.83	1.24
10	NAB	24/09/2026	12	1.692.480	56.41	11.9	0.8
11	SBT	24/09/2026	22.6	1.189.500	46.94	21.78	3.75
12	TCB	24/09/2026	32.95	15.481.960	56.82	32.29	02.03
13	VHM	24/09/2026	65.4	10.824.450	32.15	63.46	03.05
14	VNM	24/09/2026	60.6	2.533.590	48.75	60.51	0.15

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	PET	45	44.4	805.820

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	VGC	42.4	42.35	415.210

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AGG	9.86	9.44	238.380
2	BVB	10.5	10.4	1.565.120
3	DDV	16.4	16.3	379.140
4	FTS	20.05	19.7	656.640
5	HHV	9.15	9.14	2.166.720
6	HSG	10	9.7	2.117.780
7	KOS	22.55	22.55	189.680
8	NKG	9.7	9.7	1.815.770
9	SHS	13.9	13	7.135.400
10	SKG	7.15	7.1	45.730
11	TCM	15.8	15.2	909.990
12	TCX	30	29.9	2.530.430
13	TMB	42.7	42.2	19.340
14	TOS	76	75.5	36.950
15	VCG	14.5	13.95	2.032.270
16	VCS	30.7	30.2	22.700
17	VGS	15.5	15.3	108.420

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACB	21.4	21.65	8.547.730
2	AGG	9.86	9.94	238.380
3	BVB	10.5	10.55	1.565.120
4	BWS	28.5	29	25.980
5	DDV	16.4	16.6	379.140
6	FTS	20.5	20.1	656.640
7	GCF	18.1	18.2	22.730
8	HHV	9.15	9.3	2.166.720
9	HSG	10	10.05	2.117.780
10	KOS	22.55	24.2	189.680
11	NKG	9.7	9.89	1.815.770
12	SHI	13.85	13.95	279.380
13	SHS	13.9	14	7.135.400
14	TCM	15.8	15.95	909.990
15	TCX	30	30.6	2.530.430
16	TLD	8.1	8.15	374.620
17	TMB	42.7	43.4	19.340
18	TOS	76	80.6	36.950
19	TSA	14.25	14.5	14.850
20	VCG	14.5	14.25	2.032.270
21	VCS	30.7	30.8	22.700
22	VGS	15.5	16	108.420
23	VIW	22.7	22.8	75.260
24	VPB	22.1	24.35	2.651.3110
25	VTR	9.5	9.6	15.100



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	VNM	60.6	60.51	2.533.590

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	TTF	1.57	1.57	883.600
2	VTP	52.6	50.91	622.830

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BCM	40.95	40.58	536.710
2	VTP	52.6	50.98	622.830
3	YEG	7.74	7.52	747790



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BVS	28	28.28	766.390
2	GAS	82	82.06	1.895.930
3	PVS	32.3	32.31	4361980
4	TNI	5.11	5.2	625.670
5	VJC	132	134.36	1.219.720
6	VPB	22.1	26.85	26.513.110

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AMV	1.2	1.22	761.410
2	GEX	24.1	24.26	10.200.350
3	GMD	76.3	76.7	750240
4	HCM	25.1	25.51	3.277.500
5	MBB	19.85	19.9	13.395.490
6	OIL	13.4	13.52	4.071.850
7	PLX	35	35.32	6.378.600
8	PVC	12.1	12.28	1.032.630
9	PVD	18.35	18.76	7.563.880
10	TCH	11.25	11.42	4479880
11	VCB	58.1	58.31	5368840
12	VFS	10	10.08	534690
13	VIB	13.45	13.47	4204730
14	VPB	22.1	26.05	26513110
15	VPL	78	78.98	1319490
16	VRE	24.15	24.84	4684400

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BIG	4.8	4.88	767.350
2	BVS	28	28.09	766.390
3	FPT	65.3	66.08	6558350
4	GAS	82	83.45	1.895.930
5	GMD	76.3	76.98	750.240
7	HPX	04.09	4.1	829310
8	OIL	13.4	13.94	4071850
9	PVC	12.1	12.43	1032630
10	PVS	32.3	32.71	4361980
11	VAB	9	9.11	529130
12	VIB	13.45	13.52	4204730
13	VPB	22.1	27.2	26513110



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	24/09/2026	13.85	13.8	14.2	2.9	53,540
2	VTZ	24/09/2026	20.3	20	20.9	4.5	1,020,220
3	ODE	24/09/2026	45.4	45.1	47.2	4.66	20,100
4	MCP	24/09/2026	28.15	27	28.3	4.81	37,860
5	TCL	24/09/2026	29.3	28.7	30.35	5.75	7,680
6	VNR	24/09/2026	18	17.4	18.6	06.09	5,940
7	CHP	24/09/2026	26.25	25.8	26.85	07.06	10,080
8	ABI	24/09/2026	18.9	18.01	19.4	7.18	7,000
9	TYA	24/09/2026	17.1	16.2	17.4	7.41	5,500
10	INN	24/09/2026	35.8	35	37.6	7.43	14,240
11	VNL	24/09/2026	18.8	18	19.35	7.5	22,220
12	CQN	24/09/2026	29.7	29.1	31.4	7.9	61,300
13	NCT	24/09/2026	83.8	82.1	88.66	7.99	9,040
14	VCP	24/09/2026	23.2	22.5	24.3	8	5,820
15	VLB	24/09/2026	47.9	46.08	50	8.51	14,920
16	NTC	24/09/2026	129.8	125.6	136.3	8.52	7,920
17	HPD	24/09/2026	16.1	15.2	16.5	8.55	5,060
18	QTP	24/09/2026	11	10.8	11.8	9.26	90,940
19	VGP	24/09/2026	28.1	26	28.5	9.62	23,580
20	TIP	24/09/2026	16.15	15.45	16.94	9.64	24,600
21	NBB	24/09/2026	17.25	16.4	18	9.76	21,540
22	GDT	24/09/2026	15.75	15.3	16.8	9.8	10,840
23	PPT	24/09/2026	15.4	14.1	15.5	9.93	256,660



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Hạc

Thành, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009